

Bản án số: 88/2019/HNGĐ - ST

Ngày 26-9-2019

“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai

Cán bộ hưu trí phường M – thành phố Long Xuyên

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

Cán bộ tư pháp phường M – thành phố Long Xuyên

Thư ký phiên tòa: **Ông Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Phụng Hồ, sinh năm 1978. Có mặt

Địa chỉ: Số 569, tổ 7, ấp 3, xã Mỹ T, Tp.C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Lô 29A2, đường số 01, khu công nghiệp T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Nguyễn T, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: Lô 15A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Lê Phụng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Phụng H và chị Huỳnh Nguyễn Thùy T quen biết, tìm hiểu qua và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố L ngày 01/9/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H phải đi làm xa nhà nên chị T ghen tuông vô cớ, có những lời lẽ xúc phạm, cản nhắc, đả kích về tiền bạc nên anh H và chị T đã ly thân từ tháng 8/2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung tên Lê Huỳnh Khoa T, sinh ngày 30/7/2006 và Lê Tấn P, sinh ngày 19/01/2017. Hiện con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H đồng ý để chị T nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng là 2.000.000đ cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 12/6/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Huỳnh Nguyễn Thùy T trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với anh Lê Phụng H về quen biết và tiến đến hôn nhân. Từ năm 2006 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về việc quan hệ bất chính bên ngoài của anh H và về tài chính trong gia đình. Ngoài ra, do vợ chồng không hiểu nhau, cảm thông cho nhau, hai bên đã hòa giải không thành và đã ly thân từ tháng 8/2016 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng vẫn còn, do anh H thường công tác xa nhà, không gần vợ con nên tình cảm lợt lạt và trong giai đoạn tìm hiểu người phụ nữ đang phá vỡ hạnh phúc gia đình, ảnh hưởng đến tài chính và quyền lợi của các con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Thống nhất với anh H có 02 con chung tên Lê Huỳnh Khoa Th, sinh ngày 30/7/2006 và Lê Tấn P, sinh năm 19/01/2017, hiện chị T đang chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo yêu cầu của anh H. Yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng là 6.000.000đ cho đến khi con chung trưởng thành, khỏe mạnh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

* Nguyên đơn Lê Phụng H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hôn nhân, về con chung, về cấp dưỡng, về chung và tài sản chung.

* Bị đơn Huỳnh Nguyễn Thùy T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, muốn tìm người phụ nữ phá vỡ hạnh phúc gia đình để khuyên nhủ anh H về lại với vợ con; Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng là 6.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn Lê Phụng H và chị Huỳnh Nguyễn Thùy T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn đăng ký thường trú tại phường M, thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao trích lục kết hôn số 411/TLKH-BT ngày 11/4/2019 (đăng ký số 270 ngày 01/9/2005) của Ủy ban nhân dân phường M thể hiện nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, anh H và chị T đều

thống nhất vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2007, nguyên nhân chị T ghen tuông với người phụ nữ khác bên ngoài, anh H đã bỏ nhà đi nhiều lần và lần cuối từ tháng 8/2016 đến nay. Tuy nhiên, chị T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H, mục đích nhằm để duy trì hạnh phúc gia đình, chăm lo cho các con.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương, nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay giữa anh H và chị T luôn có những lời lẽ thiếu tôn trọng với nhau, không giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Cả hai thừa nhận đã ly thân từ năm 2016, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ nhau và thực hiện các công việc trong gia đình. Mặt khác, chị T tha thiết yêu cầu được hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh H để lo cho các con nên Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian cho cả hai nhưng không có kết quả. Do đó, việc nguyên đơn Lê Phụng H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung tên Lê Huỳnh Khoa Th, sinh ngày 30/7/2006 và Lê Tấn P, sinh ngày 19/01/2017. Hiện con chung đang sống cùng chị T.

Ngày 19/5/2019, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai con chung Lê Huỳnh Khoa Th đang được chị Trang chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu được mẹ cho đi học và yêu cầu được sống với mẹ, riêng con chung tên Lê Tấn P còn nhỏ, không đủ điều kiện lấy ý kiến. Anh H đồng ý để chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc học hành cho con chung cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của chị T và nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Chị T và gia

đình của chị T phải tạo điều kiện cho anh H được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về cấp dưỡng: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng là 2.000.000đ cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị T không thống nhất và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng là 6.000.000đ cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, khỏe mạnh.

Theo khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”. Như vậy, pháp luật tôn trọng quyền thỏa thuận giữa người có nghĩa vụ cấp dưỡng với người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó nhưng phía chị T không đồng ý theo yêu cầu của anh H. Do đó, căn cứ giấy xác nhận lương, phụ cấp ngày 27/5/2019 của Cảng vụ đường thủy nội địa khu vực IV xác nhận đối với Lê Phụng H thể hiện mức lương anh H thực lãnh là 4.453.6999đ; Bảng xác nhận lương, phụ cấp ngày 01/4/2019 của Hội Đông y tỉnh An Giang xác nhận đối với Huỳnh Nguyễn Thùy T thể hiện mức lương thực lãnh là 3.460.614đ cũng xem xét nhu cầu thiết yếu của con chung, nhận thấy việc tự nguyện cấp dưỡng theo yêu cầu của anh H là có căn cứ, phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh H khi thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp lực đến khi con chung trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng lao động nuôi sống bản thân. Việc cấp dưỡng nuôi con không cố định.

[4] Về tài sản chung: Anh H, chị Trang thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn anh Lê Phụng H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Phụng H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118; Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, **điểm a khoản 6** Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Phụng H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Phụng H được ly hôn với chị Huỳnh Nguyễn Thị T.

[2] Về con chung: Chị Huỳnh Nguyễn Thùy T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Lê Huỳnh Khoa Th, sinh ngày 30/7/2006 và Lê Tấn P, sinh ngày 19/01/2017. Chị T và gia đình của chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Hồ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lê Huỳnh Khoa Th, sinh ngày 30/7/2006 và Lê Tấn P, sinh ngày 19/01/2017 hàng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp lực đến khi con chung trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng lao động nuôi sống bản thân. Việc cấp dưỡng nuôi con không cố định.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Phụng H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003081 ngày 20/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Phụng H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[8] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A dân sự TPL;
- VKSND TPL;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam